

Số: ~~1777~~/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 15 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Liên cơ quan: Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 73/BC-LCQ ngày 02/7/2014; Báo cáo số 79/BC-LCQ ngày 28/7/2014 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định quy định về hệ số điều chỉnh giá đất và quyết định về mức thu tiền thuê đất theo thẩm quyền do Chính phủ quy định theo Luật Đất đai năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức năm 2014 (theo quy định tại tiết c khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất), cụ thể:

1. Khu vực các quận:

1.1. Các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An:

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 30.000.000đ/m² trở lên, hệ số điều chỉnh là 1,2 (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 cũng điều chỉnh theo hệ số 1,2).

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 16.000.000đ/m² đến dưới 30.000.000đ/m², hệ số điều chỉnh là 1,15 (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 cũng điều chỉnh theo hệ số 1,15);

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố còn lại hệ số điều chỉnh là **1,1**.

1.2. Các quận Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến An:

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 10.000.000đ/m² trở lên, hệ số điều chỉnh là **1,15** (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 cũng điều chỉnh theo hệ số 1,15);

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố còn lại, hệ số điều chỉnh là **1,1**;

2. Khu vực các huyện (trừ huyện Bạch Long Vỹ):

- Các khu đất, lô thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường có mức giá đất ở theo bảng giá đất tại Phụ lục số 8.8; 8.9; 8.10; 8.11; 8.12; 8.13 và 8.14 (tại đô thị), hệ số điều chỉnh là **1,1**;

- Các khu đất, lô thửa đất thuộc các đường, đoạn đường có mức giá đất ở theo bảng giá đất tại Phụ lục số 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6 và 7.7 (tại nông thôn), hệ số điều chỉnh là **1,05**.

3. Các mức giá đất ở nêu trên quy định tại Quyết định số 2610/2013/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Đối với các tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi xác định tiền sử dụng đất phải xác định hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm (theo quy định tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ): **bảng 1**.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này thực hiện đến hết ngày 31/12/2014.

Giao Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này,

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- CVP, các PCVP;
- CV: TC, ĐC1, ĐC2;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Đỗ Trung Thoại